HÒA PHÁT CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ III/2026

THÁNG 10 NĂM 2026

HÒA PHÁT
HÒA HỢP CÙNG PHÁT TRIỂN

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2026 VND	01/01/2026 VND (Số điều chỉnh lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150 + 160)	**100**		**114.130.245.788.457**	**103.549.129.690.695**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**VI.1**	**6.852.876.731.299**	**8.325.103.342.897**
Tiền	111		2.099.322.069.470	4.602.047.650.138
Các khoản tương đương tiền	112		4.753.554.661.829	3.723.055.692.759
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**39.273.855.125.563**	**19.878.070.385.808**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	VI.2	39.273.855.125.563	19.878.070.385.808
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**16.896.454.116.193**	**14.605.547.312.128**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3	12.237.586.718.883	10.972.503.957.242
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.805.051.639.686	1.878.084.035.938
Phải thu ngắn hạn khác	135	VI.4	985.055.377.799	1.880.777.381.860
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	136		(131.813.948.152)	(132.548.698.812)
Tài sản thiếu chờ xử lý	137		574.327.977	6.730.635.900
Hàng tồn kho	**140**	**VI.5**	**46.949.170.967.714**	**52.130.767.868.882**
Hàng tồn kho	141		47.021.643.392.102	52.189.012.793.520
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(72.472.424.388)	(58.244.924.638)
Tài sản sinh học ngắn hạn	**150**	VI.6	**1.063.361.653.900**	**679.957.518.661**
Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		1.064.521.014.810	683.874.334.539
Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		2.748.664.281	1.884.153.927
Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn (*)	153		(3.908.025.191)	(5.800.969.805)
Tài sản ngắn hạn khác	**160**		**3.094.527.193.788**	**7.929.683.262.319**
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		795.422.613.027	493.428.025.239
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		2.294.161.052.214	7.429.884.133.408
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	VI.13	4.943.528.547	6.371.103.672

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn

HÒA PHÁT
HÒA HỢP CÙNG PHÁT TRIỂN

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2026 VND	01/01/2026 VND (Số điều chỉnh lại)
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260 + 270)	**200**		**169.319.524.676.146**	**154.350.071.126.852**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**612.237.403.089**	**290.327.516.308**
Trả trước cho người bán dài hạn	212		12.250.613.774	41.408.436.429
Phải thu dài hạn khác	216	VI.4	599.986.789.315	248.919.079.879
Tài sản cố định	**220**		**132.668.551.246.046**	**133.527.079.908.221**
Tài sản cố định hữu hình	221	VI.8	132.458.330.440.788	133.339.868.744.327
Nguyên giá	*222*		189.166.137.677.565	182.104.286.601.968
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		(56.707.807.236.777)	(48.764.417.857.641)
Tài sản cố định vô hình	227	VI.9	210.220.805.258	187.211.163.894
Nguyên giá	*228*		434.829.284.874	394.755.577.407
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		(224.608.479.616)	(207.544.413.513)
Tài sản sinh học dài hạn	**230**	VI.6	**185.847.631.105**	**214.185.788.362**
Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		185.847.631.105	214.185.788.362
Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		43.867.991.155	36.452.140.917
Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		141.979.639.950	177.733.647.445
Nguyên giá	*234*		272.089.910.218	301.551.863.064
Giá trị khấu hao lũy kế (*)	*235*		(130.110.270.268)	(123.818.215.619)
Bất động sản đầu tư	**240**	**VI.10**	**-**	**528.191.122.247**
Nguyên giá	*241*		4.752.726.625	863.635.594.434
Giá trị hao mòn lũy kế	*242*		(4.752.726.625)	(335.444.472.187)
Tài sản dở dang dài hạn	**250**		**16.145.209.836.758**	**10.850.941.186.954**
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		31.891.464.340	148.814.839.011
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	VI.7	16.113.318.372.418	10.702.126.347.943
Đầu tư tài chính dài hạn	**260**		**12.666.427.135.738**	**2.266.905.142.467**
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		12.664.127.135.738	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	265	VI.2	2.300.000.000	2.266.905.142.467

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn

HÒA PHÁT
HÒA HỢP CÙNG PHÁT TRIỂN

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2026 VND	01/01/2026 VND (Số điều chỉnh lại)
Tài sản dài hạn khác	**270**		**7.041.251.423.410**	**6.672.440.462.293**
Chi phí trả trước dài hạn	271	VI.11	6.409.372.800.185	5.980.739.029.761
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		355.416.764.330	304.979.962.218
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		276.461.858.895	335.208.284.895
Lợi thế thương mại	279	VI.12	-	51.513.185.419
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	**280**		**283.449.770.464.603**	**257.899.200.817.547**
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**133.881.417.845.277**	**126.679.189.940.972**
Nợ ngắn hạn	**310**		**102.807.599.304.288**	**94.187.600.611.874**
Phải trả người bán ngắn hạn	311		16.773.046.559.276	21.183.376.049.432
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.737.312.610.072	839.645.735.088
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		3.760.154.301	3.739.116.340
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.13	2.344.229.088.400	2.377.396.188.571
Phải trả người lao động	315		374.930.675.450	995.918.246.781
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	VI.14	1.889.016.063.091	939.446.180.722
Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		77.474.638.099	152.519.279.244
Phải trả ngắn hạn khác	320	VI.15	253.765.641.173	2.009.286.366.259
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321		78.615.048.528.530	64.694.957.245.143
Dự phòng phải trả ngắn hạn	322	VI.16	17.222.708.186	15.437.227.372
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		721.792.637.710	975.878.976.922
Nợ dài hạn	**330**		**31.073.818.540.989**	**32.491.589.329.098**
Phải trả người bán dài hạn	331		3.828.872.840.002	4.237.943.510.056
Chi phí phải trả dài hạn	334	VI.14	-	607.363.800.426
Phải trả dài hạn khác	338	VI.15	35.860.959.588	16.700.201.489
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339		27.121.712.703.040	27.479.194.057.074
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	342		-	31.013.808.361
Dự phòng phải trả dài hạn	343	VI.16	87.372.038.359	119.373.951.692

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn

HÒA PHÁT
HÒA HỢP CÙNG PHÁT TRIỂN

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2026 VND	01/01/2026 VND (Số điều chỉnh lại)
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**	**VI.17**	**149.568.352.619.326**	**131.220.010.876.575**
Vốn cổ phần	411		**84.429.645.200.000**	**76.754.658.550.000**
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*84.429.645.200.000*	*76.754.658.550.000*
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		*1.388.437.800.829*	*1.388.437.800.829*
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		**62.977.334.582.376**	**51.037.901.749.343**
- *LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*420a*		*54.759.994.971.402*	*35.657.348.003.468*
- *LNST chưa phân phối kỳ này*	*420b*		*8.217.339.610.974*	*15.380.553.745.875*
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		772.935.036.121	2.039.012.776.403
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**283.449.770.464.603**	**257.899.200.817.547**

Hưng Yên, ngày 29 tháng 10 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Xuân Mai	Phạm Thị Kim Oanh	Nguyễn Việt Thắng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý III năm 2026

	Mã số	Thuyết minh	Quý III năm 2026 VND	Quý III năm 2025 VND	9 tháng năm 2026 VND	9 tháng năm 2025 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VII.1**	**62.669.083.327.239**	**36.793.873.449.413**	**171.539.239.621.771**	**111.030.694.797.872**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	454.896.090.263	386.457.045.489	1.265.302.783.241	1.091.084.729.161
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**		**62.214.187.236.976**	**36.407.416.403.924**	**170.273.936.838.530**	**109.939.610.068.711**
Giá vốn hàng bán	**11**	VII.3	50.291.718.592.341	30.320.155.128.758	139.498.612.392.469	91.838.472.382.704
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	**20**		**11.922.468.644.635**	**6.087.261.275.166**	**30.775.324.446.061**	**18.101.137.686.007**
Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	**21**					
Doanh thu hoạt động tài chính	22	VII.4	1.187.964.192.001	711.903.358.963	7.742.438.328.747	1.644.508.955.208
Chi phí tài chính	*23*	VII.5	2.134.779.639.341	1.073.210.620.638	5.928.788.715.417	3.019.606.990.063
Trong đó: Chi phí lãi vay	24		*1.774.028.837.792*	*812.194.101.705*	*4.627.057.405.206*	*1.878.331.093.817*
Lãi/(Lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	27		-	-	1.987.970.143	-
Chi phí bán hàng	25	VII.6	1.692.092.188.248	798.965.987.739	4.754.664.411.932	2.362.153.613.754
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.7	461.399.322.972	355.963.309.576	1.155.098.069.549	1.025.492.978.030
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 + (22 - 23) + 27 - (25 + 26)}	**30**		**8.822.161.686.075**	**4.571.024.716.176**	**26.681.199.548.053**	**13.338.393.059.368**
Thu nhập khác	31		485.616.166.573	78.007.207.531	668.281.386.548	190.557.519.434
Chi phí khác	32		199.028.548.558	20.718.751.273	293.863.583.540	88.488.563.685
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**286.587.618.015**	**57.288.456.258**	**374.417.803.008**	**102.068.955.749**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**9.108.749.304.090**	**4.628.313.172.434**	**27.055.617.351.061**	**13.440.462.015.117**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		822.816.533.926	632.794.091.038	3.409.198.027.423	1.829.474.120.646
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52		20.472.307.198	(16.733.235.327)	(99.433.606.445)	(15.593.943.868)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**8.265.460.462.966**	**4.012.252.316.723**	**23.745.852.930.083**	**11.626.581.838.339**
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		8.217.339.610.974	3.988.318.474.539	23.582.361.859.679	11.589.090.380.691
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	62		48.120.851.992	23.933.842.184	163.491.070.404	37.491.457.648

Hưng Yên, ngày 29 tháng 10 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Xuân Mai	Phạm Thị Kim Oanh	Nguyễn Việt Thắng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn

HÒA PHÁT
HÒA HỢP CÙNG PHÁT TRIỂN

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ 01/01/2026 đến 30/09/2026

	Mã số	Thuyết minh	9 tháng năm 2026 VND	9 tháng năm 2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	**01**		**27.055.617.351.061**	**13.440.462.015.117**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		8.768.631.961.574	5.588.006.696.803
Các khoản dự phòng	03		21.971.410.528	(37.755.992.379)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(201.000.783.634)	385.722.075.036
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.795.279.979.197)	(1.005.025.864.876)
Chi phí lãi vay	06		4.627.057.405.206	1.878.331.093.817
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		**34.476.997.365.538**	**20.249.740.023.518**
Biến động các khoản phải thu	09		(1.355.175.212.577)	(6.138.010.245.101)
Biến động hàng tồn kho và tài sản sinh học	10		(798.157.140.083)	338.805.880.143
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(3.086.062.023.557)	(1.403.218.050.970)
Biến động chi phí trả trước	12		(640.957.257.452)	(435.571.336.037)
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.572.598.325.896)	(1.741.596.121.764)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.454.381.489.140)	(1.712.446.076.800)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(633.336.612.430)	(356.142.993.838)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	**20**		**20.936.329.304.403**	**8.801.561.079.151**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(14.607.166.041.086)	(23.862.760.654.722)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		30.297.895.611	39.150.303.222
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(57.445.045.023.788)	(20.624.512.195.952)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		32.654.474.847.778	20.853.879.872.215
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(4.892.852.690.944)	(70.900.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		9.800.775.369.256	450.733.375.384
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.040.587.562.480	1.007.696.985.593
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	**30**		**(33.418.928.080.693)**	**(22.206.712.314.260)**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn

HÒA PHÁT
HÒA HỢP CÙNG PHÁT TRIỂN

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ 01/01/2026 đến 30/09/2026

	Mã số	Thuyết minh	9 tháng năm 2026 VND	9 tháng năm 2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		925.950.012.160	1.785.700.000.000
Tiền trả lại vốn góp cho cổ đông thiểu số	32		(133.174.500.000)	(40.327.020.000)
Tiền thu từ đi vay	33		112.481.807.996.210	116.730.001.247.019
Tiền trả nợ gốc vay	34		(98.325.315.463.449)	(102.854.581.444.591)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.937.400.151.846)	(11.244.385.820)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	**40**		**11.011.867.893.075**	**15.609.548.396.608**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		**(1.470.730.883.215)**	**2.204.397.161.499**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**8.325.103.342.897**	**6.887.646.139.852**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.495.728.383)	519.438.064
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**V.1**	**6.852.876.731.299**	**9.092.562.739.415**

Hưng Yên, ngày 29 tháng 10 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Xuân Mai	Phạm Thị Kim Oanh	Nguyễn Việt Thắng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn") và các lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết.

2. Ngành nghề kinh doanh

- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư tài chính;
- Sản xuất thùng, bể chứa và các dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện bằng kim loại;
- Thăm dò, khai thác khoáng sản;
- Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị và phương tiện;
- Buôn bán ôtô, xe máy, thiết bị phụ tùng, ngành công nghiệp vận tải, khai thác mỏ và phương tiện vận tải;
- Sản xuất và kinh doanh các loại máy xây dựng và máy khai thác mỏ;
- Buôn bán đồ điện, điện tử, các thiết bị y tế và quang học;
- Sản xuất, kinh doanh, lắp ráp, lắp đặt, sửa chữa và bảo hành hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng và điều hòa không khí;
- Sản xuất và kinh doanh nguyên vật liệu và các sản phẩm nhựa plastic;
- Các hoạt động quảng cáo;
- Khai thác cát, đá và sỏi;
- Sản xuất, kinh doanh và lắp ráp các sản phẩm thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất và mua bán kim loại màu các loại, phế liệu kim loại màu;
- Buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện và cán thép;
- Sản xuất cán kéo thép và sản xuất tôn lợp;
- Khai thác quặng kim loại;
- Mua bán kim loại, quặng kim loại và sắt thép phế liệu;
- Luyện gang thép, đúc gang và sắt, thép;
- Sản xuất ống thép không mạ và có mạ, ống inox;
- Sản xuất và kinh doanh các loại tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và tôn mạ lạnh;
- Ủy thác xuất – nhập khẩu;
- Chăn nuôi lợn;
- Chăn nuôi bò;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Chăn nuôi khác;
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Vận tải hàng hóa ven biển, đường thủy nội địa và viễn dương;
- Xuất, nhập khẩu, mua bán, phân phối hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định của Pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

4. Cấu trúc Tập đoàn

Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 4
Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0

- **Danh sách các công ty con**

		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	Quyền biểu quyết của Tập đoàn
1	**Công ty CP Gang Thép Hòa Phát** Địa chỉ: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội, Việt Nam.	99,999%	99,999%
2	**Công ty CP Sản phẩm thép Hòa Phát** Địa chỉ: 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.	99,996%	99,996%
3	**Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát** Địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.	84,536%	84,536%
4	**Công ty CP Điện máy Gia dụng Hòa Phát** Địa chỉ: 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.	99,917%	99,917%

- **Danh sách các công ty liên kết**

		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	Quyền biểu quyết của Tập đoàn
1	**Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát** Địa chỉ: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội, Việt Nam.	26,547%	26,547%
2	**Công ty CP Tập đoàn Tương lai Sông Hồng** Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Capital Tower, số 109 đường Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.	25,133%	25,133%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và thông tư 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các khoản mục tài sản có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được qui đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng thường xuyên có giao dịch. Riêng số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản mục nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được qui đổi sang VND theo mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng thường xuyên có giao dịch. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND được qui đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.
Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Phương pháp bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (Hữu hình,. vô hình, thuê tài chính): TSCĐ phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, trong bảng Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất phản ánh 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại. Nguyên giá tài sản cố định hình thành từ mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính): áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản sinh học (TSSH)

a. Súc vật nuôi cho sản phẩm một lần, cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần

Nguyên tắc ghi nhận Súc vật nuôi, cây trồng cho sản phẩm một lần: Súc vật nuôi cho sản phẩm một lần, cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của TSSH là Súc vật nuôi cho sản phẩm một lần, cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần bao gồm toàn bộ chi phí mua, chăm sóc, nuôi dưỡng,… phát sinh liên quan trực tiếp đến các tài sản này.

b. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ ở giai đoạn trưởng thành

Nguyên tắc ghi nhận Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ ở giai đoạn trưởng thành: TSSH là Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ ở giai đoạn trưởng thành được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, trong bảng Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất phản ánh 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ ở giai đoạn trưởng thành: áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

c. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành

Nguyên tắc ghi nhận Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành: TSSH là súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của TSSH mới tạo ra bao gồm phần chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng phát sinh trong kỳ tính cho tài sản sinh học mới đó và chi phí khấu hao tài sản sinh học mẹ.

d. Súc vật nuôi cho sản phẩm một lần, cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần

Nguyên tắc ghi nhận Súc vật nuôi, cây trồng cho sản phẩm một lần: Súc vật nuôi cho sản phẩm một lần. cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của TSSH là Súc vật nuôi cho sản phẩm một lần, cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần bao gồm toàn bộ chi phí mua, chăm sóc, nuôi dưỡng, … phát sinh liên quan trực tiếp đến các tài sản này.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: Bất động sản đầu tư được ghi nhận nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của BĐS đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản hoạt động theo cách thức dự kiến.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư: Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

9. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Công ty con: là đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của Công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết: được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo giá gốc. sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh. Ngoại trừ chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua. đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước, lợi thế thương mại

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại: Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của công ty con, công ty liên kết, hoặc cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ. Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số vốn góp thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất là số lợi nhuận từ các hoạt động của Doanh nghiệp sau khi trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng: Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo các kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của dịch vụ tại ngày kết thúc năm kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu cho thuê: Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Doanh thu bán căn hộ: Doanh thu bán căn hộ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm bán hoặc hoàn thành bàn giao bất động sản, tùy theo thời điểm nào muộn hơn.

Thu nhập từ tiền lãi: Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích. được xác định theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

V. THUYẾT MINH VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Một số chỉ tiêu của năm trước được phân loại lại do thay đổi chính sách kế toán, phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 99/2025/TT-BTC và Thông tư 43/2026/TT-BTC, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm (Số đã báo cáo)	Số điều chỉnh lại	Số đầu năm (Điều chỉnh lại)
		VND	VND	VND
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Các khoản tương đương tiền	112	3.698.842.654.067	24.213.038.692	3.723.055.692.759
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	19.484.412.761.405	393.657.624.403	19.878.070.385.808
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10.971.774.018.235	729.939.007	10.972.503.957.242
Phải thu ngắn hạn khác	135	2.318.283.126.429	(437.505.744.569)	1.880.777.381.860
Hàng tồn kho	141	52.892.273.238.885	(703.260.445.365)	52.189.012.793.520
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142	(64.045.894.443)	5.800.969.805	(58.244.924.638)
Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		683.874.334.539	683.874.334.539
Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		1.884.153.927	1.884.153.927
Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn (*)	153		(5.800.969.805)	(5.800.969.805)
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	567.293.994.902	(73.865.969.663)	493.428.025.239
Tài sản cố định hữu hình	221	133.420.846.696.083	(80.977.951.756)	133.339.868.744.327
Nguyên giá	222	182.308.655.292.963	(204.368.690.995)	182.104.286.601.968
Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223	(48.887.808.596.880)	123.390.739.239	(48.764.417.857.641)
Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		214.185.788.362	214.185.788.362
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		36.452.140.917	36.452.140.917
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		177.733.647.445	177.733.647.445
- Nguyên giá	234		301.551.863.064	301.551.863.064
- Giá trị khấu hao lũy kế (*)	235		(123.818.215.619)	(123.818.215.619)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	10.721.076.531.961	(18.950.184.018)	10.702.126.347.943
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	265	2.248.000.000.000	18.905.142.467	2.266.905.142.467
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	6.003.628.755.787	(22.889.726.026)	5.980.739.029.761
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		3.739.116.340	3.739.116.340
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	939.347.023.380	99.157.342	939.446.180.722
Phải trả ngắn hạn khác	320	2.011.792.352.575	(2.505.986.316)	2.009.286.366.259
Phải trả dài hạn khác	338	18.032.488.855	(1.332.287.366)	16.700.201.489

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2026 VND	01/01/2026 VND
Tiền mặt	14.427.569.079	12.571.583.178
Tiền gửi ngân hàng	2.047.486.101.891	4.589.476.066.960
Tiền đang chuyển	37.408.398.500	-
Các khoản tương đương tiền	4.753.554.661.829	3.723.055.692.759
Cộng	**6.852.876.731.299**	**8.325.103.342.897**

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/09/2026		01/01/2026	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	39.261.855.125.563	39.261.855.125.563	19.878.070.385.808	19.878.070.385.808
▪ Chứng chỉ tiền gửi	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-
	39.273.855.125.563	**39.273.855.125.563**	**19.878.070.385.808**	**19.878.070.385.808**

3. Phải thu của khách hàng

	30/09/2026		01/01/2026	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn				
Phải thu của khách hàng	12.237.586.718.883	(131.813.948.152)	10.972.503.957.242	(132.548.698.812)
Cộng ngắn hạn	**12.237.586.718.883**	**(131.813.948.152)**	**10.972.503.957.242**	**(132.548.698.812)**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. Phải thu khác

	30/09/2026		01/01/2026	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu khác – ngắn hạn				
Phải thu về đền bù và giải phóng mặt bằng	-	-	301.419.886.866	-
Ký cược, ký quỹ	715.756.577.219	-	1.218.633.622.083	-
Phải thu khác	269.298.800.580	-	360.723.872.911	
Cộng	**985.055.377.799**	-	**1.880.777.381.860**	-
Phải thu khác – dài hạn				
Phải thu về thỏa thuận hợp tác liên danh	100.000.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	499.929.789.315	-	248.919.079.879	-
Phải thu khác	57.000.000	-	-	-
Cộng	**599.986.789.315**	-	**248.919.079.879**	-

5. Hàng tồn kho

	30/09/2026		01/01/2026	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	4.340.712.752.197	-	10.799.531.492.382	-
Nguyên liệu, vật liệu	25.515.513.434.515	(33.205.003.284)	23.141.938.442.387	(10.202.216.991)
Công cụ, dụng cụ	1.828.678.348.411	(9.323.128.011)	1.453.967.730.329	(7.677.846.763)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	607.596.744.548	(1.434.556.299)	3.190.044.696.451	(741.618.881)
Thành phẩm	13.188.440.346.766	(5.483.803.011)	11.960.892.820.277	(19.858.231.144)
Hàng hóa	778.628.949.385	(23.025.933.783)	643.458.234.002	(19.765.010.859)
Hàng gửi bán	762.072.816.280	-	999.179.377.692	-
Cộng	**47.021.643.392.102**	**(72.472.424.388)**	**52.189.012.793.520**	**(58.244.924.638)**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. Tài sản sinh học

a. Tài sản sinh học khác, trừ súc vật cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành

	30/09/2026 VND		01/01/2026 VND	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần	**1.064.521.014.810**	**1.060.612.989.619**	**683.874.334.539**	**678.073.364.734**
a) Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	1.064.521.014.810	1.060.612.989.619	683.874.334.539	678.073.364.734
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần	**2.748.664.281**	**2.748.664.281**	**1.884.153.927**	**1.884.153.927**
a) Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	2.748.664.281	2.748.664.281	1.884.153.927	1.884.153.927
3. Tài sản sinh học cho sản phẩm định kỳ chưa trưởng thành	**43.867.991.155**	**43.867.991.155**	**36.452.140.917**	**36.452.140.917**
Cộng	**1.111.137.670.246**	**1.107.229.645.055**	**722.210.629.383**	**716.409.659.578**

b. Súc vật cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành

	Heo sinh sản	Gà giống	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư 01/01/2026	**227.945.128.407**	**73.606.734.657**	**301.551.863.064**
Tăng trong kỳ	151.272.482.967	89.839.193.172	241.111.676.139
Thanh lý, nhượng bán	(239.278.704.008)	(25.197.058.280)	(264.475.762.288)
Xóa sổ	-	(6.097.866.697)	(6.097.866.697)
Số dư 30/09/2026	**139.938.907.366**	**132.151.002.852**	**272.089.910.218**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư 01/01/2026	**123.818.215.619**	-	**123.818.215.619**
Khấu hao trong kỳ	67.945.427.101	96.359.742.948	164.305.170.049
Thanh lý, nhượng bán	(131.233.938.555)	(24.910.152.510)	(156.144.091.065)
Xóa sổ	-	(1.869.024.335)	(1.869.024.335)
Số dư 30/09/2026	**60.529.704.165**	**69.580.566.103**	**130.110.270.268**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2026	**104.126.912.788**	**73.606.734.657**	**177.733.647.445**
Tại ngày 30/09/2026	**79.409.203.201**	**62.570.436.749**	**141.979.639.950**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 01/01/2026 đến 30/09/2026 VND
Số dư đầu kỳ	**10.702.126.347.943**
Tăng trong kỳ	13.719.143.423.549
Tăng do mua công ty con	32.302.271.450
(Giảm) do thanh lý công ty con	(13.965.460.530)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(7.870.314.979.464)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(40.909.132.147)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(368.504.741.460)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(26.091.238.215)
Biến động khác	(20.468.118.708)
Số dư cuối kỳ	**16.113.318.372.418**

Chi tiết

	30/09/2026 VND	01/01/2026 VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án KLH Gang thép Dung Quất	11.146.015.655.446	6.300.922.611.218
Dự án Container	2.269.717.958.843	2.140.198.303.701
Dự án Nhà máy thép Long An	880.489.212.802	525.974.095.324
Dự án Nông nghiệp	309.120.605.057	299.032.332.433
Dự án KLH Gang thép Hải Dương	496.644.283.538	186.319.763.262
Dự án Sản phẩm thép Long An	100.160.202.000	478.859.947.891
Dự án khác	911.170.454.732	770.819.294.114
Cộng	**16.113.318.372.418**	**10.702.126.347.943**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá							
Số dư tại ngày 01/01/2026	**60.531.128.459.194**	**116.647.651.888.639**	**4.365.321.222.903**	**463.354.767.467**	**1.390.353.270**	**95.439.910.495**	**182.104.286.601.968**
Mua trong kỳ	4.135.625.487	156.843.417.864	36.530.393.484	15.626.290.737	-	7.513.517.222	**220.649.244.794**
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.428.438.925.538	6.315.321.408.033	94.819.655.048	31.546.969.046	103.021.799	85.000.000	**7.870.314.979.464**
Tăng do mua công ty con	528.121.446	357.098.182	1.411.900.000	-	-	151.000.000	**2.448.119.628**
Thanh lý công ty con	(434.316.091.737)	(237.928.557.864)	(63.471.151.084)	(4.083.142.730)	-	(3.811.415.192)	**(743.610.358.607)**
Thanh lý, nhượng bán, xóa sổ	(49.121.229.661)	(192.259.819.623)	(42.041.428.176)	(2.207.918.692)	-	-	**(285.630.396.152)**
Biến động khác	-	(2,125,058,985)	-	(195,454,545)	-	-	**(2,320,513,530)**
Phân loại lại	2.102.560.155	(2.102.560.155)	-	(40.000.000)	-	40.000.000	-
Số dư tại ngày 30/09/2026	**61.482.896.370.422**	**122.685.757.816.091**	**4.392.570.592.175**	**504.001.511.283**	**1.493.375.069**	**99.418.012.525**	**189.166.137.677.565**
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư tại ngày 01/01/2026	**11.578.402.909.934**	**34.720.167.756.378**	**2.145.694.427.888**	**274.932.118.341**	**427.476.380**	**44.793.168.720**	**48.764.417.857.641**
Khấu hao trong kỳ	2.024.342.393.631	6.129.978.496.691	334.935.621.136	53.102.532.631	453.211.208	13.903.733.767	**8.556.715.989.064**
Tăng do mua công ty con	264.060.724	259.321.299	744.602.099	-	-	97.569.446	**1.365.553.568**
Thanh lý công ty con	(140.660.303.345)	(163.205.630.261)	(39.985.592.122)	(3.454.604.477)	-	(1.650.721.453)	**(348.956.851.658)**
Thanh lý, nhượng bán, xóa sổ	(42.013.870.067)	(185.581.082.402)	(35.915.607.705)	(2.159.041.235)	-	-	**(265.669.601.409)**
Biến động khác	-	(19.186.712)	32.182.793	(78.706.510)	-	-	**(65.710.429)**
Phân loại lại	-	(17.181.813)	17.181.813	(40.000.000)	-	40.000.000	-
Số dư tại ngày 30/09/2026	**13.420.335.190.877**	**40.501.582.493.180**	**2.405.522.815.902**	**322.302.298.750**	**880.687.588**	**57.183.750.480**	**56.707.807.236.777**
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2026	**48.952.725.549.260**	**81.927.484.132.261**	**2.219.626.795.015**	**188.422.649.126**	**962.876.890**	**50.646.741.775**	**133.339.868.744.327**
Tại ngày 30/09/2026	**48.062.561.179.545**	**82.184.175.322.911**	**1.987.047.776.273**	**181.699.212.533**	**612.687.481**	**42.234.262.045**	**132.458.330.440.788**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư tại ngày 01/01/2026	**178.394.670.071**	**210.164.396.909**	**6.196.510.427**	**394.755.577.407**
- Mua trong kỳ	-	1.873.036.147	-	**1.873.036.147**
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	39.229.489.415	1.679.642.732	**40.909.132.147**
- Biến động khác	2.342.445.002	195.024.617	(3.455.284.986)	**(917.815.367)**
- Thanh lý công ty con	-	(1.790.645.460)	-	**(1.790.645.460)**
Số dư tại ngày 30/09/2026	**180.737.115.073**	**249.671.301.628**	**4.420.868.173**	**434.829.284.874**
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư tại ngày 01/01/2026	**35.689.548.553**	**167.259.940.425**	**4.594.924.535**	**207.544.413.513**
- Khấu hao trong kỳ	1.981.931.940	17.123.053.101	183.548.035	**19.288.533.076**
- Biến động khác	2.342.445.002	195.024.617	(3.455.284.986)	**(917.815.367)**
- Phân loại lại	8.571.429	(8.571.429)	-	-
- Thanh lý công ty con	-	(1.306.651.606)	-	**(1.306.651.606)**
Số dư tại ngày 30/09/2026	**40.022.496.924**	**183.262.795.108**	**1.323.187.584**	**224.608.479.616**
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2026	**142.705.121.518**	**42.904.456.484**	**1.601.585.892**	**187.211.163.894**
Tại ngày 30/09/2026	**140.714.618.149**	**66.408.506.520**	**3.097.680.589**	**210.220.805.258**

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư tại ngày 01/01/2026	**55.702.700.965**	**807.932.893.469**	**863.635.594.434**
Thanh lý công ty con	(55.702.700.965)	(803.180.166.844)	(858.882.867.809)
Số dư ngày 30/09/2026	-	**4.752.726.625**	**4.752.726.625**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 01/01/2026	-	**335.444.472.187**	**335.444.472.187**
Khấu hao trong kỳ	-	24.988.155.725	24.988.155.725
Thanh lý công ty con	-	(355.679.901.287)	(355.679.901.287)
Số dư ngày 30/09/2026	-	**4.752.726.625**	**4.752.726.625**
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2026	**55.702.700.965**	**472.488.421.282**	**528.191.122.247**
Tại ngày 30/09/2026	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước	Công cụ dụng cụ	Chi phí sửa chữa văn phòng và nhà xưởng	Chi phí đền bù đất và giải phóng mặt bằng	Khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2026	**3.065.900.353.852**	**176.834.234.555**	**1.254.793.737.746**	**1.272.584.265.566**	**210.626.438.042**	**5.980.739.029.761**
Tăng trong kỳ	79.630.896.188	247.835.243.672	562.316.419.942	-	46.498.964.829	**936.281.524.631**
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	22.579.717.021	267.755.463.450	65.270.073.560	12.899.487.429	**368.504.741.460**
Biến động khác	(33,886,122)	1,989,439,217	(2,128,846,776)	-	(259,772,637)	**(433,066,318)**
Mua công ty con	-	229.020.229	-	-	-	**229.020.229**
Thanh lý công ty con	181.835.543.282	(15.000.561.614)	911.210.869	(30.294.784.821)	(2.406.049.369)	**135.045.358.347**
Phân bổ trong kỳ	(136.917.924.072)	(144.148.859.177)	(645.029.315.967)	(24.418.657.859)	(60.479.050.850)	**(1.010.993.807.925)**
Phân loại lại	(1.085.157.427)	(41.495.914)	(268.840.621)	-	1.395.493.962	-
Số dư tại ngày 30/09/2026	**3.189.318.065.701**	**290.288.497.989**	**1.438.349.828.643**	**1.283.140.896.446**	**208.275.511.406**	**6.409.372.800.185**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

12. Lợi thế thương mại

Công ty	Tại ngày 30/09/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	Giá gốc	Giá trị còn lại	Giá gốc	Giá trị còn lại
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Nhơn Trạch	195.950.665	-	195.950.665	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thành Phố Mới	-	-	61.119.413.012	38.539.185.419
Công ty CP Xây dựng Long Việt	-	-	59.880.000.000	12.974.000.000
Cộng	**195.950.665**	**-**	**121.195.363.677**	**51.513.185.419**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn

13. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu nhà nước

	Tại ngày 01/01/2026		Số phải nộp/ bù trừ trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Thanh lý công ty con	Tại ngày 30/09/2026	
	Số phải thu	Số phải nộp				Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	573.338.927	78.915.087.076	824.679.168.875	(700.023.476.084)	(36.680.177.611)	536.761.211	166.854.024.540
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	478.767.465	34.719.319.590	8.109.013.796.361	(8.118.203.161.945)	-	478.767.465	25.529.954.006
Thuế GTGT, TNDN nộp thay nhà thầu	22.310.478	9.137.170.032	159.717.735.394	(154.583.372.184)	-	22.310.478	14.271.533.242
Thuế xuất nhập khẩu	600.995.464	-	179.514.080.089	(178.916.923.637)	-	9.109.532	5.270.520
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.290.176.101	2.241.589.952.340	3.409.198.027.423	(2.454.381.489.140)	(1.083.181.191.487)	1.698.360.354	2.112.633.483.389
Thuế thu nhập cá nhân	93.166.284	7.810.793.786	323.352.323.977	(307.280.829.812)	(5.552.027.124)	1.846.267.436	20.083.361.979
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	2.968.884.046	10.482.702.848	(13.210.874.657)	-	-	240.712.237
Thuế tài nguyên	-	1.728.478.247	26.726.423.469	(26.988.796.374)	(232.442.768)	-	1.233.662.574
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	2.308.348.953	-	29.827.268.056	(18.827.061.411)	(7.000.119.054)	344.271.174	2.036.009.812
Các loại thuế. phí khác	4.000.000	526.503.454	66.864.720.716	(65.998.500.966)	(55.328.000)	7.680.897	1.341.076.101
Tổng	**6.371.103.672**	**2.377.396.188.571**	**13.139.376.247.208**	**(12.038.414.486.210)**	**(1.132.701.286.044)**	**4.943.528.547**	**2.344.229.088.400**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

14. Chi phí phải trả

	30/09/2026 VND	01/01/2026 VND
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	473.802.458.203	350.141.232.594
Chi phí khuyến mại	406.586.306.055	311.145.292.606
Lương và thưởng	539.090.905.545	4.492.943.411
Các khoản khác	469.536.393.288	273.666.712.111
Cộng	**1.889.016.063.091**	**939.446.180.722**
Chi phí phải trả dài hạn		
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn đất KCN và bán căn hộ	-	607.363.800.426
Bảo dưỡng cơ sở hạ tầng	-	-
Cộng	-	**607.363.800.426**

15. Phải trả khác

	30/09/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải trả khác ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn và các khoản bảo hiểm	9.404.115.824	4.955.989.820
Các khoản hỗ trợ khách hàng	86.816.444.131	19.198.132.039
Nhận đặt cọc theo hợp đồng	-	1.759.016.917.840
Các khoản phải trả khác	157.545.081.218	226.115.326.560
Cộng	**253.765.641.173**	**2.009.286.366.259**
Phải trả khác dài hạn		
Quỹ kinh phí bảo trì căn hộ	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	35.860.959.588	16.700.201.489
Cộng	**35.860.959.588**	**16.700.201.489**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

16. Dự phòng phải trả

	30/09/2026 VND	01/01/2026 VND
Dự phòng phải trả ngắn hạn		
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	17.222.708.186	15.437.227.372
Cộng	**17.222.708.186**	**15.437.227.372**
Dự phòng phải trả dài hạn		
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	54.561.227.358	45.804.147.034
Ký quỹ phục hồi môi trường	32.810.811.001	31.397.893.712
Dự phòng phải trả khác	-	42.171.910.946
Cộng	**87.372.038.359**	**119.373.951.692**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	**63.962.502.000.000**		**794.841.242.128**	-	**49.599.124.109.203**	**290.990.632.368**	**114.647.457.983.699**
Góp vốn của cổ đông không kiểm soát	-		-	-	-	687.500.000.000	687.500.000.000
Trả lại vốn góp cho cổ đông thiểu số	-		-	-	-	(55.020.000)	(55.020.000)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	12.792.156.550.000			-	(12.792.156.550.000)	-	-
Lợi nhuận trong năm	-		-	-	15.453.174.006.223	61.757.565.383	15.514.931.571.606
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-		-	-	(496.049.985.348)	(10.739.652)	(496.060.725.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-		600.000.000.000	-	(600.000.000.000)	-	-
Công ty con trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-		-	-	-	(35.960.933.719)	(35.960.933.719)
Hoàn nhập quỹ đã trích	-		(6.403.441.299)	-	6.403.441.299	-	-
Thay đổi tỷ lệ lợi ích nhưng không mất quyền kiểm soát	-		-	-	(129.108.197.197)	1.031.333.197.197	902.225.000.000
Biến động khác	-		-	-	(3.485.074.837)	3.458.074.826	(27.000.011)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	**76.754.658.550.000**	-	**1.388.437.800.829**	-	**51.037.901.749.343**	**2.039.012.776.403**	**131.220.010.876.575**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2026	**76.754.658.550.000**	-	**1.388.437.800.829**	**51.037.901.749.343**	**2.039.012.776.403**	**131.220.010.876.575**
Góp vốn	-		-	-	153.100.720.000	**153.100.720.000**
Giảm vốn góp cho cổ đông thiểu số					(133.174.500.000)	**(133.174.500.000)**
Lợi nhuận trong kỳ	-		-	23.582.361.859.679	163.491.070.404	**23.745.852.930.083**
Phát hành thêm cổ phiếu	7.674.986.650.000		-	(7.674.986.650.000)	-	-
Trả cổ tức bằng tiền	-		-	(3.837.732.927.500)	(99.667.224.346)	**(3.937.400.151.846)**
Thanh lý công ty con				(112.238.424.533)	(1.705.949.379.831)	**(1.818.187.804.364)**
Thay đổi tỷ lệ lợi ích nhưng không mất quyền kiểm soát				383.478.153.963	356.644.772.768	**740.122.926.731**
Phân bổ quỹ khen thưởng và phúc lợi	-		-	(221.477.573.836)	(494.856.924)	**(221.972.430.760)**
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành. thù lao Hội đồng quản trị	-		-	(180.000.000.000)	-	**(180.000.000.000)**
Biến động khác	-			28.395.260	(28.342.353)	**52.907**
Số dư tại ngày 30/09/2026	**84.429.645.200.000**	-	**1.388.437.800.829**	**62.977.334.582.376**	**772.935.036.121**	**149.568.352.619.326**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

b. Các giao dịch về vốn chủ sở hữu

	Từ 01/01/2026 đến 30/09/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	76.754.658.550.000	63.962.502.000.000
Phát hành thêm vốn cho cổ đông hiện hữu	7.674.986.650.000	12.792.156.550.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-
Vốn góp cuối kỳ	84.429.645.200.000	76.754.658.550.000

c. Cổ phiếu

	30/09/2026 Cổ phiếu	01/01/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**8.442.964.520**	**7.675.465.855**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	8.442.964.520	7.675.465.855
Số lượng cổ phiếu thu hồi làm cổ phiếu quỹ		-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.442.964.520	7.675.465.855
Cổ phiếu phổ thông	8.442.964.520	7.675.465.855
** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành*	10.000	10.000

18. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/09/2026 VND	01/01/2026 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.388.437.800.829	1.388.437.800.829
Quỹ khen thưởng phúc lợi	721.792.637.710	975.878.976.922

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý III năm 2026 VND	Quý III năm 2025 VND
Bán hàng	62.286.869.072.139	36.183.139.319.206
Cung cấp dịch vụ	189.702.171.515	192.998.999.237
Bán và cho thuê bất động sản	192.512.083.585	417.735.130.970
Cộng	**62.669.083.327.239**	**36.793.873.449.413**

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý III năm 2026 VND	Quý III năm 2025 VND
Chiết khấu thương mại	443.487.892.843	352.046.928.186
Giảm giá hàng bán	-	324.506.950
Hàng bán bị trả lại	11.408.197.420	34.085.610.353
Cộng	**454.896.090.263**	**386.457.045.489**
Doanh thu thuần	**62.214.187.236.976**	**36.407.416.403.924**

Doanh thu thuần theo khu vực địa lý:

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý III năm 2026 VND	Quý III năm 2025 VND
Nước ngoài	16.395.446.711.291	4.588.848.707.031
Trong nước	45.818.740.525.685	31.818.567.696.893
Cộng	**62.214.187.236.976**	**36.407.416.403.924**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3. Giá vốn hàng bán

	Quý III năm 2026 VND	Quý III năm 2025 VND
Thành phẩm, hàng hóa đã bán	50.202.767.793.314	29.827.914.115.197
Dịch vụ đã cung ứng	40.146.577.931	104.227.398.722
Giá vốn bất động sản bán và cho thuê	48.804.221.096	388.013.614.839
Cộng	**50.291.718.592.341**	**30.320.155.128.758**

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý III năm 2026 VND	Quý III năm 2025 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	704.302.209.175	445.292.978.825
Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư	112.727.313.589	13.486.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	261.921.064.712	252.158.044.378
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	105.257.782.761	412.711.142
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.755.821.764	553.124.618
Cộng	**1.187.964.192.001**	**711.903.358.963**

5. Chi phí tài chính

	Quý III năm 2026 VND	Quý III năm 2025 VND
Chi phí lãi vay	1.774.028.837.792	812.194.101.705
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	248.799.651.375	216.091.645.878
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	861.456.294	43.997.458.231
Chi phí tài chính khác	111.089.693.880	927.414.824
Cộng	**2.134.779.639.341**	**1.073.210.620.638**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. Chi phí bán hàng

	Quý III năm 2026 VND	Quý III năm 2025 VND
Chi phí quảng cáo	28.580.475.479	32.294.434.985
Chi phí nhân viên	129.832.762.271	78.550.814.219
Chi phí khấu hao	52.172.510.704	31.344.847.525
Chi phí vận chuyển và xuất khẩu	1.062.955.413.477	347.588.268.469
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	418.551.026.317	309.187.622.541
Cộng	**1.692.092.188.248**	**798.965.987.739**

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý III năm 2026 VND	Quý III năm 2025 VND
Chi phí nhân viên	27.720.485.104	111.008.300.676
Chi phí khấu hao	140.776.763.538	36.216.696.954
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	292.902.074.330	208.738.311.946
Cộng	**461.399.322.972**	**355.963.309.576**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau.

Các giao dịch giữa các bộ phận được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Chỉ tiêu	Sản xuất và kinh doanh thép	Nông nghiệp	Kinh doanh bất động sản	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Quý III năm 2026					
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	60.361.983.154.758	1.636.736.850.906	215.467.231.312	-	**62.214.187.236.976**
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận	6.109.099.145.639	225.962.500	154.654.822.135	(6.263.979.930.274)	-
Tổng doanh thu thuần	**66.471.082.300.397**	**1.636.962.813.406**	**370.122.053.447**	**(6.263.979.930.274)**	**62.214.187.236.976**
Kết quả					
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	**9.194.311.338.646**	**338.292.027.288**	**267.670.102.041**	**(978.111.781.900)**	**8.822.161.686.075**
Thu nhập khác	535.795.655.489	717.355.692	2.787.345.940	(53.684.190.548)	**485.616.166.573**
Chi phí khác	192.354.569.541	126.030.941	6.547.948.076	-	**199.028.548.558**
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế của bộ phận	9.537.752.424.594	**338.883.352.039**	**263.909.499.905**	**(1.031.795.972.448)**	9.108.749.304.090
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	725.619.245.608	36.695.252.184	60.502.036.134	-	**822.816.533.926**
Lợi ích/chi phí thuế thu nhập hoãn lại	5.664.688.516	2.184.112.588	(1.449.958.471)	14.073.464.565	**20.472.307.198**
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế của bộ phận	**8.806.468.490.470**	**300.003.987.267**	**204.857.422.242**	**(1.045.869.437.013)**	**8.265.460.462.966**
Tại ngày 30/09/2026					
Tài sản bộ phận	371.544.243.093.870	5.975.954.839.619	-	(94.070.427.468.886)	**283.449.770.464.603**
Tổng tài sản	**371.544.243.093.870**	**5.975.954.839.619**	-	**(94.070.427.468.886)**	**283.449.770.464.603**
Công nợ bộ phận	135.331.604.217.771	1.237.519.763.705	-	(2.687.706.136.199)	**133.881.417.845.277**
Tổng nợ phải trả	**135.331.604.217.771**	**1.237.519.763.705**	-	**(2.687.706.136.199)**	**133.881.417.845.277**
Nguyên giá	-				
Tài sản cố định hữu hình	185.187.366.373.146	4.345.871.740.977	-	(367.100.436.558)	**189.166.137.677.565**
Tài sản cố định vô hình	415.360.636.335	19.468.648.539	-	-	**434.829.284.874**
Khấu hao	-				
Tài sản cố định hữu hình	(53.339.625.380.905)	(3.428.237.610.480)	-	60.055.754.608	**(56.707.807.236.777)**
Tài sản cố định vô hình	(218.539.614.724)	(6.068.864.892)	-	-	**(224.608.479.616)**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn

Chỉ tiêu	Sản xuất và kinh doanh thép	Nông nghiệp	Kinh doanh bất động sản	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Quý III năm 2025					
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	33.912.285.656.987	2.030.768.299.521	464.362.447.416	-	**36.407.416.403.924**
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận	4.057.838.892.240	342.061.527	10.531.588.000	(4.068.712.541.767)	-
Tổng doanh thu thuần	**37.970.124.549.227**	**2.031.110.361.048**	**474.894.035.416**	**(4.068.712.541.767)**	**36.407.416.403.924**
Kết quả	-				
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	**6.961.983.424.670**	**385.826.799.662**	**465.368.079.547**	**(3.242.153.587.703)**	**4.571.024.716.176**
Thu nhập khác	76.083.661.466	1.520.031.759	648.879.237	(245.364.931)	**78.007.207.531**
Chi phí khác	18.673.228.340	48.926.791	1.996.596.145	(3)	**20.718.751.273**
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế của bộ phận	7.019.393.857.796	387.297.904.630	464.020.362.639	(3.242.398.952.631)	4.628.313.172.434
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	535.928.193.993	27.349.987.723	69.515.909.322	-	**632.794.091.038**
Lợi ích/chi phí thuế thu nhập hoãn lại	(2.167.176.585)	1.947.185.409	1.763.581.716	(18.276.825.867)	**(16.733.235.327)**
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế của bộ phận	**6.485.632.840.388**	**358.000.731.498**	**392.740.871.601**	**(3.224.122.126.764)**	**4.012.252.316.723**
Tại ngày 30/09/2025					
Tài sản bộ phận	327.511.171.313.410	4.518.897.496.264	14.720.056.276.094	(100.578.786.798.116)	**246.171.338.287.652**
Tổng tài sản	**327.511.171.313.410**	**4.518.897.496.264**	**14.720.056.276.094**	**(100.578.786.798.116)**	**246.171.338.287.652**
Công nợ bộ phận	122.821.715.659.211	1.599.925.886.297	1.591.406.092.171	(7.357.721.449.296)	**118.655.326.188.383**
Tổng nợ phải trả	**122.821.715.659.211**	**1.599.925.886.297**	**1.591.406.092.171**	**(7.357.721.449.296)**	**118.655.326.188.383**
Nguyên giá	-				
Tài sản cố định hữu hình	145.915.278.041.123	4.522.606.534.783	400.891.442.822	(134.265.418.804)	**150.704.510.599.924**
Tài sản cố định vô hình	358.936.082.341	19.468.648.539	1.406.645.460	917.815.367	**380.729.191.707**
Khấu hao	-				-
Tài sản cố định hữu hình	(42.666.754.900.773)	(3.247.516.331.756)	(312.535.852.510)	55.545.140.216	**(46.171.261.944.823)**
Tài sản cố định vô hình	(195.163.454.043)	(5.479.850.088)	(1.153.336.060)	(917.815.367)	**(202.714.455.558)**

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2. Giải trình biến động kết quả kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế toàn Tập đoàn Quý III năm 2026 là 8.265 tỷ đồng, tăng 106% so với cùng kỳ năm 2025 tương ứng 4.253 tỷ đồng (Quý III năm 2025 là 4.012 tỷ đồng). Lợi nhuận Quý III năm 2026 tăng mạnh do sản lượng thép thô tiêu thụ tăng, giá vốn tốt, giá bán tốt.

Hưng Yên, ngày 29 tháng 10 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Xuân Mai	Phạm Thị Kim Oanh	Nguyễn Việt Thắng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (+84 24) 6284 8666
W: www.hoaphat.com.vn